

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11/2015/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 27 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua,
khen thưởng trên địa bàn Tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số: 47/TTr-SNV ngày 28 tháng 01 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn Tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 4 năm 2015 và thay thế Quyết định số 197/2011/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của UBND Tỉnh về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn Tỉnh; Quyết định số 1062/2011/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 của UBND Tỉnh về việc bổ sung, sửa đổi một

số điều của Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn Tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 197/2011/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của UBND Tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Giám đốc các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND
ngày 27/ 4/2015 của UBND Tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung thi đua và phương pháp tổ chức phong trào thi đua; đối tượng thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng; trách nhiệm quản lý nhà nước và thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân tham gia các phong trào thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý hành vi vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, nghề nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; mọi công dân trong tỉnh, ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài đều có quyền tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, chấp hành tốt các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động, sản xuất kinh doanh, công tác, học tập, hoạt động xã hội đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả; thành tích xuất sắc, đột xuất hoặc có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Phú Yên được khen thưởng theo quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Nguyên tắc khen thưởng được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013, Điều 2 của Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Việc khen thưởng phải căn cứ vào thành tích đạt được của từng tập thể, cá nhân; thành tích đề nghị khen thưởng phải rõ ràng, cụ thể, đạt được ở mức độ nào thì khen thưởng ở mức độ đó. Khen thưởng thành tích xuất sắc, đột xuất không nhất thiết theo trình tự từ mức khen thấp đến mức khen cao.

Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, đơn vị cơ sở, hộ gia đình, cá nhân là công nhân, nông dân trực tiếp lao động, sản xuất, công tác có thành tích xuất sắc, tiêu biểu; khen thưởng gương người tốt, việc tốt có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và của nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đang công tác vùng đồng bằng tình nguyện về công tác ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của tỉnh; các lĩnh vực trọng yếu, khó khăn, độc hại, nguy hiểm; cá nhân, tập thể từ yếu kém vươn lên. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm theo dõi, xem xét quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cấp dưới trực tiếp, không nhất thiết phải chờ cấp dưới đề nghị mới khen thưởng.

3. Trong một năm, mỗi tập thể hoặc cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng không quá 02 Bằng khen (kể cả thành tích khen thưởng hàng năm hoặc khen tổng kết các chuyên đề); trừ khen thưởng đột xuất.

4. Các trường hợp đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng Huân chương thì sau 02 năm nếu đảm bảo tiêu chuẩn, thành tích khen thưởng thường xuyên hàng năm theo quy định mới xét đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

5. Đối với trường hợp đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng Huân chương có tiêu chuẩn liên quan đến bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thì căn cứ vào quyết định tặng bằng khen về thành tích khen thưởng thường xuyên hàng năm; không căn cứ bằng khen về thành tích chuyên đề hoặc đột xuất để xét.

Điều 4. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể có các hình thức biểu dương, động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, Khen thưởng.

Việc tổ chức hội thi, hội diễn, tôn vinh có liên quan đến khen thưởng và trao giải thưởng đơn vị tổ chức trao đổi, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ trước khi tổ chức.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

Thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch UBND Tỉnh phát động và chỉ đạo phong trào thi đua, công tác khen thưởng trên phạm vi toàn Tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp Chủ tịch UBND Tỉnh chỉ đạo và kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng có nhiệm vụ giúp Hội đồng và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức tốt phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn Tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, đơn vị, địa phương mình quản lý; chủ trì phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, đơn vị, địa phương và của Tỉnh.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, đơn vị, địa phương có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các ngành, đơn vị, UBND cấp huyện tổ chức phát động các phong trào thi đua; trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua.

5. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị các cấp trong tỉnh, các tổ chức thành viên Mặt trận, trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng, kiến nghị bổ sung sửa đổi những bất hợp lý liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

Phối hợp với các cơ quan chức năng phát động thi đua và tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt nội dung thi đua của Tỉnh và của tổ chức mình.

6. Các cơ quan thông tin đại chúng của Tỉnh và của trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua; phổ biến những kinh nghiệm và nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt. Đồng thời kịp thời phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn, quy định sau:

a) Là người tiêu biểu trong số người đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến” trong năm.

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng xuất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

2. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, công nhận.

Đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quy định tỷ lệ cá nhân được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” sao cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn, quy định sau:

1. Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Không vi phạm Chỉ thị số 23 - CT/TU ngày 03/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh (áp dụng cho đối tượng được điều chỉnh của Chỉ thị). Xác định vi phạm thì căn cứ vào thông báo của cơ quan có thẩm quyền gửi cho cơ quan, đơn vị.

3. Đối với thủ trưởng (người đứng đầu) thì kết quả chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, địa phương mình của 02 năm liền kề trước năm xét đề nghị khen phải đạt từ loại khá trở lên (áp dụng cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã).

4. Có ít nhất một (01) đề tài khoa học, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác của cá nhân, đề nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả công tác được Hội đồng Khoa học và Công nghệ Tỉnh hoặc Hội đồng sáng kiến cấp Tỉnh thông qua và được UBND Tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả nghiệm thu cho cá nhân là thành viên tham gia đề tài (mỗi đề tài chỉ xét chọn không quá 02 thành viên bao gồm cả chủ nhiệm đề tài đề nghị, việc xét chọn cá nhân là thành viên tham gia trong đề tài do các thành viên tham gia thực hiện trong đề tài đó họp xét chọn) hoặc Quyết định công nhận sáng kiến cấp tỉnh cho cá nhân có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác của năm đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” hoặc cá nhân đạt giải nhì, giải nhất của Hội thi Sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh và đạt từ giải ba trở lên của Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc. Quyết định công nhận kết quả nghiệm thu cho cá nhân là thành viên đề tài khoa học được áp dụng trong thời gian 3 năm tính đến thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh”.

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, ngoài tiêu chuẩn trên, kết quả phiếu bầu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp đề nghị phải đạt từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

Điều 11. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho các tập thể xuất sắc, tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, đạt được các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

b) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

c) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức đảng phải đạt trong sạch, vững mạnh, tổ chức đoàn thể phải đạt loại khá trở lên.

2. Số lượng các tập thể đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 50% tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” được xét tặng hàng năm theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và quy định của UBND Tỉnh hiện hành.

4. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho tập thể sau:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

Các đơn vị thuộc Chi cục trực thuộc Sở, ngành (cấp sở) như: đội, hạt, ban, trung tâm và tương đương mà có con dấu, có tổ chức đảng và tổ chức công đoàn thì được xem xét công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

b) Đối với cấp huyện gồm: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, trạm y tế.

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã (trừ các tập đoàn, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng; các tổ, đội, chuyên may và tương đương thuộc xí nghiệp, phân xưởng, nhà máy mà có số lượng từ 20 công nhân lao động trở lên thì được xem xét.

Điều 12: Danh hiệu “Gia đình văn hoá” và danh hiệu thôn, buôn, khu phố, tổ dân phố văn hoá

Việc tặng các danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn văn hóa", "buôn văn hóa", "khu phố văn hóa", "tổ dân phố văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa" và tương đương được thực hiện theo quy định tại các Điều 29 và 30 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa"; "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Áp văn hóa", "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa" và tương đương; quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Tỉnh

1. Được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn, quy định sau:

a) Hoàn thành xuất sắc toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm;

b) Có điển hình, mô hình thi đua thiết thực mang lại hiệu quả cao được sơ, tổng kết, nhân rộng để các tập thể khác trong tỉnh nghiên cứu, học tập;

c) Kết quả chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, địa phương của năm liền kề trước năm xét đề nghị khen phải đạt từ loại khá trở lên (áp dụng đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã);

d) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng; tổ chức đảng phải đạt trong sạch, vững mạnh, các đoàn thể chính trị xã hội phải đạt vững mạnh trở lên.

Phải được thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các Khối, Cụm thi đua bằng hình thức bỏ phiếu, tôn vinh đơn vị xuất sắc dẫn đầu Khối, Cụm thi đua do UBND tỉnh tổ chức hoặc dẫn đầu Khối, Cụm thi đua do UBND tỉnh ủy quyền cho các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức. Có quy định hướng dẫn riêng để thực hiện.

2. Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch UBND tỉnh phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

Điều 14. Cờ thi đua của Chính phủ

1. Được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn, quy định sau:

a) Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng.

d) Lựa chọn tập thể xuất sắc nhất trong tổng số tập thể đã được tặng “Cờ thi đua của tỉnh”, bao gồm: những tập thể dẫn đầu trong từng lĩnh vực, ngành nghề toàn quốc.

e) Số lượng tập thể do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét chọn đề nghị tặng “Cờ thi đua Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh”.

2. Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 15. Giấy khen

1. Được tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và của nhân dân, gương người tốt, việc tốt, có thành tích cao trong các đợt thi đua được phát động theo chuyên đề; tặng cho tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho địa phương, đơn vị (khen thưởng đột xuất).

2. Tặng cho các tập thể, cá nhân thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu, Chỉ thị, Nghị định, Nghị quyết qua sơ kết, tổng kết (khen thưởng chuyên đề).

3. Tặng cho các tập thể, cá nhân thực hiện theo quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013.

4. Giấy khen tặng cho gia đình được thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ và được quy định như sau:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt

chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên.

Điều 16. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các đối tượng sau

1. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất; mưu trí dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và của nhân dân; được biểu dương người tốt, việc tốt; đạt các giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế; giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia; giải nhất, nhì khu vực trong nước và giải nhất chuyên ngành cấp tỉnh (khen thưởng đột xuất).

2. Tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh và nước ngoài có nhiều thành tích, công lao đóng góp xây dựng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (khen đối ngoại).

3. Đơn vị thuộc Khối, Cụm thi đua do UBND tỉnh tổ chức (có quy định hướng dẫn riêng để thực hiện); kết quả chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, địa phương của năm liền kề trước năm xét đề nghị khen phải đạt từ loại trung bình trở lên (áp dụng đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã).

4. Tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chỉ thị, Nghị quyết... của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh qua sơ kết, tổng kết giai đoạn từ 03 năm trở lên thì cơ quan chủ trì phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ hướng dẫn về đối tượng, tiêu chuẩn và số lượng được Bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh quy định (khen theo chuyên đề).

Việc khen thưởng theo chuyên đề cho một đối tượng nhiều bằng khen trong năm, khi tiến hành sơ kết, tổng kết dưới 03 năm các cơ quan, địa phương kết hợp thành tích của tập thể, cá nhân đó để xét đề nghị khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hàng năm theo tiêu chuẩn quy định.

5. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Tỉnh phát động (có quy định hướng dẫn riêng để thực hiện).

6. Tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, doanh nghiệp, địa phương.

b) Công nhân có 01 sáng kiến trở lên mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề hoặc có 02 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian đó được tặng giấy khen của lãnh đạo đơn vị hoặc của công đoàn cấp trên.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 01 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

7. Tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước có nhiều đóng góp về công sức, đất đai, tiền và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

8. Tặng cho tập thể, cá nhân:

a) Đối với tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt 02 năm liên tục danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”;

- Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực hưởng ứng thực hiện tốt các phong trào thi đua;

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể; tổ chức đảng, đoàn thể phải đạt trong sạch, vững mạnh trở lên;

- Không có cá nhân trong tập thể vi phạm quá 02 lần Chỉ thị số 23 - CT/TU ngày 03/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh (áp dụng cho đối tượng được điều chỉnh của Chỉ thị). Xác định vi phạm thì căn cứ vào thông báo của cơ quan có thẩm quyền gửi cho cơ quan, đơn vị.

b) Đối với cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt 02 năm liên tục danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa phương;

- Có phẩm chất, đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đi đầu trong các phong trào thi đua; tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia tốt các hoạt động xã hội;

- Không vi phạm Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 03/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh (áp dụng cho đối tượng được điều chỉnh của Chỉ thị). Xác định vi phạm thì căn cứ vào thông báo của cơ quan có thẩm quyền gửi cho cơ quan, đơn vị.

- Nếu là đảng viên phải được phân loại đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đối với Lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thì kết quả chấm điểm cải cách hành chính cơ quan, địa phương mình của năm liền kề trước năm xét đề nghị khen phải đạt từ loại trung bình trở lên.

Điều 17. Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, Huy chương, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương

Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng thưởng Kỷ niệm chương của các Bộ, ngành Trung ương; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Huân chương, Huy chương, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013; Nghị định số

42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 18. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh; nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có nhiệm vụ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng (có quy chế hoạt động riêng).

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy Đảng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập, căn cứ vào thực tiễn quy định thành phần Hội đồng, theo nguyên tắc sau:

- Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị gồm: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị làm Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; lãnh đạo cơ quan, đơn vị; Trưởng các phòng, ban và tương đương, Trưởng các Hội đoàn thể của cơ quan, đơn vị. Các phó Chủ tịch Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định; thường trực Hội đồng là 01 Lãnh đạo Văn phòng hoặc lãnh đạo Phòng tổ chức của cơ quan, đơn vị.

- Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện gồm: Chủ tịch UBND cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng; 01 Lãnh đạo Phòng Nội vụ làm Phó Chủ tịch thường trực; thành viên là Thủ trưởng một số Ban của đảng, lực lượng vũ trang, các đoàn thể và các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định; các phó Chủ tịch Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định; Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật; có nhiệm vụ, quyền hạn: tham mưu, giúp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phong trào thi đua theo thẩm quyền; định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng; tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, HỒ SƠ THỦ TỤC, THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG

Điều 19. Thẩm quyền quyết định khen thưởng, đề nghị khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng: Cờ thi đua của UBND tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước quyết định tặng thưởng.

2. Người đứng đầu của cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện, người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, doanh nghiệp nhà nước trước đây đã cổ phần hoá thành Công ty cổ phần quyết định tặng thưởng giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức khen thưởng, các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của cấp trên khen thưởng.

3. Đối với các loại hình doanh nghiệp còn lại do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã xem xét, quyết định công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và giấy khen. Đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện nơi doanh nghiệp có trụ sở làm việc khen thưởng hoặc xét trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền; đối với các doanh nghiệp nằm trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế đề nghị Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên khen thưởng hoặc xét trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng danh hiệu thôn, buôn, khu phố văn hóa, tổ dân phố văn hóa.

5. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định khen thưởng giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã; công nhận gia đình văn hóa. Đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức khen thưởng, các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của cấp trên khen thưởng.

Điều 20. Thẩm quyền và quy trình xét duyệt hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng: Huân chương các loại, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng lao động” báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét thống nhất trình:

a) Ban Cán sự Đảng UBND Tỉnh xem xét trình:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến đối với hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập các hạng, danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng lao động”.

- Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến:

+ Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;

+ Huân chương Lao động các hạng và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cá nhân: lãnh đạo các sở, ban, ngành và tương đương trở lên; Bí thư, Phó bí thư, Chủ tịch UBND cấp huyện;

+ Huân chương Lao động các hạng cho cán bộ có quá trình cống hiến qua các giai đoạn cách mạng.

Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy thống nhất cho ý kiến chỉ đạo thực hiện thì Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét tặng thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Nước quyết định tặng thưởng.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh trình:

- Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và đề nghị Chủ tịch Nước quyết định tặng thưởng Huân chương Lao động các hạng (ngoài đối tượng đã quy định tại điểm a của điều này).

- Thủ tướng Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

2. Hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sỹ; Huân chương, Huy chương các hạng và Bằng khen của Thủ tướng chính phủ về thành tích kháng chiến; Kỷ niệm chương tù đày; Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng thưởng và đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng theo đúng quy định.

3. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND Tỉnh quyết định khen thưởng do Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ xem xét, thẩm định trình Chủ tịch UBND Tỉnh quyết định khen thưởng.

Hồ sơ không đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ không trình UBND Tỉnh xem xét, đồng thời thông báo cho đơn vị trình khen biết.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các ngành, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm xét duyệt hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại các văn bản của Trung ương quy định về công tác thi đua, khen thưởng và Quy chế này trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định tặng thưởng.

Điều 21. Hồ sơ, thủ tục đề nghị tặng thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị tặng thưởng thường xuyên hàng năm thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ (từ Điều 53 đến Điều 65) và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Số lượng bản báo cáo thành tích như sau: Danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng lao động”; Huân chương Độc lập, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Sao vàng; cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: gồm 04 bản chính và 50 bản tóm tắt. Các trường hợp còn lại gồm 04 bản chính và 20 bản tóm tắt.

3. Hồ sơ, thủ tục đơn giản: Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo Điều 61 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 20, Điều 1 của Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 22. Cơ quan trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, quỹ lương hoặc có thẩm quyền quyết định thành lập, cấp đó có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng cho đối tượng thuộc phạm vi mình quản lý.

2. Việc khen thưởng Đại biểu Quốc hội chuyên trách, Đại biểu Hội đồng nhân dân và tập thể Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo khoản 2, Điều 53, Nghị định

số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

3. Trường hợp các tổ chức, cá nhân ở ngoài ngành, ngoài địa phương và ngoài tỉnh có nhiều thành tích hoặc có nhiều công lao đóng góp cho ngành, địa phương mình thì do Thủ trưởng ngành, địa phương đó khen thưởng là chính, hoặc có văn bản nhận xét đề nghị của cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng; trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc có đóng góp lớn trong xây dựng, củng cố, phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh cho địa phương mới đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

4. Các cơ quan, ban, ngành, địa phương nào được UBND Tỉnh giao chủ trì phát động phong trào thi đua theo chuyên đề, thi ngành đó, địa phương đó chủ trì phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ để hướng dẫn cụ thể về tiêu chí, tiêu chuẩn cho đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được tập thể Ban Chỉ đạo hoặc Ban Tổ chức thực hiện chuyên đề đó xét chọn trong số tập thể, cá nhân trực tiếp có thành tích xuất sắc, tiêu biểu.

5. Trường hợp khen thưởng đột xuất cho cá nhân có hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và của nhân dân, truy bắt tội phạm,... trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt người đó trong hay ngoài địa phương, đơn vị của tỉnh).

Điều 23. Thời gian trình và giải quyết hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hàng năm gửi về Ủy ban nhân dân Tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 30/01 năm sau; khen thưởng theo năm học của Ngành giáo dục và đào tạo trước ngày 15/7 hàng năm. Các trường hợp khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu (khen thưởng chuyên đề) gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc, trường hợp khen thưởng đột xuất trước 03 ngày làm việc.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng hàng năm gửi về Ủy ban nhân dân Tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 15/02 năm sau; khen thưởng công tác đền ơn đáp nghĩa, khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc trước ngày 15/6 hằng năm; khen thưởng năm học Ngành giáo dục và đào tạo trước ngày 31/7 hàng năm.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra và thẩm định hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND Tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc, trình Chủ tịch UBND Tỉnh xem xét quyết định (trừ khen thưởng chuyên đề, đột xuất); trong thời gian 15 ngày làm việc Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng) kiểm tra và thẩm định hồ sơ khen thưởng trình Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Tỉnh xét duyệt (đối với hồ sơ hợp lệ).

Điều 24. Tổ chức trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nghi thức tổ chức lễ trao tặng và đón nhận, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua;

nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài; đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

2. Mỗi trường hợp được khen thưởng phải được tổ chức lễ trao tặng và đón nhận một lần. Nếu có nhiều trường hợp gồm tập thể, cá nhân được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận tập thể trước, sau đến cá nhân sau nhưng chung một buổi lễ; nếu trong khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của cơ quan, đơn vị, địa phương, ngày lễ lớn của đất nước hoặc nhân dịp tổ chức sơ kết, tổng kết, phát động phong trào thi đua thì kết hợp tổ chức trao tặng.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 25. Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thực hiện theo Chương V Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 26. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Phân cấp quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của Tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ quản lý.

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện do Phòng Nội vụ cùng cấp quản lý.

c) Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị do cấp mình quản lý.

3. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Chỉ thị, Nghị quyết, các phong trào thi đua (khen chuyên đề) được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, nguồn tiền thưởng được trích từ chuyên đề đó để chi thưởng.

4. Bằng khen, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” khen thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân được UBND tỉnh quyết định khen thưởng, tiền thưởng do cấp đề nghị chi.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, hàng năm phải báo cáo quyết toán tình hình sử dụng Quỹ theo quy định hiện hành. Cuối năm Quỹ thi đua, khen thưởng còn dư chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 27. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi

1. Đối với các đơn vị thụ hưởng định mức nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước:

a) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm kèm theo danh hiệu, hình thức khen thưởng.

b) Chi in giấy chứng nhận, giấy khen, khung giấy khen, Bằng khen làm hiện vật khen thưởng và các loại vật tư chuyên dùng cho khen thưởng.

2. Đối với Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh:

a) Chi tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước cho tập thể và các nhân có thành tích xuất sắc thuộc phạm vi Chủ tịch UBND tỉnh xét trình khen thưởng.

b) Chi thưởng cho tập thể, cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng đột xuất, khen đối ngoại; chi thưởng kèm theo Cờ thi đua và Bằng khen trong phong trào thi đua Khối, Cụm do tỉnh tổ chức và Cờ thi đua dẫn đầu Khối, Cụm được UBND tỉnh ủy quyền cho các đơn vị, địa phương tổ chức.

c) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chỉ thị, Nghị quyết, các phong trào thi đua (khen chuyên đề) được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, mà không có nguồn kinh phí hoạt động khen thưởng của chuyên đề đó thì sử dụng từ Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh để chi thưởng.

d) Chi in giấy chứng nhận, bằng khen, làm hồ sơ khen thưởng; in bằng, làm khung bằng, thù cờ, trướng, làm hiện vật khen thưởng và các loại vật tư chuyên dùng cho khen thưởng.

3. Trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua theo Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ cụ thể như sau: chi công tác tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến; chi đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm về phong trào thi đua, mô hình, điển hình tiên tiến và công tác khen thưởng; chi tiếp đoàn kiểm tra cấp trên về làm việc công tác thi đua, khen thưởng ở tỉnh; chi hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng gồm: họp Hội đồng, chi đọc tài liệu hồ sơ khen thưởng, đi kiểm tra, giám sát, chỉ đạo phong trào thi đua cho Thành viên Hội đồng; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; chi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; chi tổ chức lễ trao thưởng; chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tổ chức hoạt động Khối, Cụm thi đua; chi phát động các phong trào thi đua; chi đi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng; chi đi công tác trình cấp trên khen thưởng và bảo vệ thành tích về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương. Mức chi thực hiện theo quy định tài chính hiện hành. Những khoản chi chưa có mức quy định cụ thể thì xin ý kiến của cấp có thẩm quyền trước khi thực hiện.

Điều 28. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

1. Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo điểm 2 Điều 24 của Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

3. Mức tiền thưởng kèm theo Cờ thi đua dẫn đầu Khối, Cụm được UBND tỉnh ủy quyền cho các đơn vị, địa phương tổ chức mà được UBND tỉnh quyết định khen thưởng bằng 0,5 lần mức thưởng quy định.

Chương VII

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN; HÀNH VI

**VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG;
TƯỚNG VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU**

Điều 29. Quyền của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng; nghĩa vụ của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng; hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với tập thể, cá nhân được khen thưởng và các cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng; khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng; giải quyết khiếu nại, tố cáo; thủ tục hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo Điều 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

**Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện và xây dựng quy định để thực hiện.
2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát, thực hiện Quy chế./.

**TM. UBND TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

